

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2020/DS-ST**

Ngày: 06-11-2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Minh Tùng;

2/ Bà Đoàn Sơn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Khổng Phúc Vĩnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 58/2020/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S

Địa chỉ: Đường N, phường S, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Công P

Địa chỉ: Ấp V thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Chế Văn D

Nơi cư trú: ấp L, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

(Ông P có mặt, đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2020, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng S do ông Phạm Công P đại diện) trình bày:

Ngân hàng S (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) và ông Chế Văn D có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông D phía Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông D với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ ông D đã sử dụng với tổng số tiền 8.811.001 đồng và theo qui định tại Điều 27 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì ông D còn phải chịu các khoản phí theo qui định với số tiền 1.428.680 đồng cùng tiền lãi trong hạn là 3.501.612 đồng và số tiền phí, tiền lãi trong hạn này được ghi nợ vào tài khoản của chủ thẻ. Như vậy, tổng số tiền ông D phải thanh toán là 13.741.293 đồng,

Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7.638.785 đồng (*Bảy triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng*) (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Hiện nay ông D còn nợ lại Ngân hàng số tiền là 6.102.508 đồng (*Sáu triệu một trăm lẻ hai nghìn năm trăm lẻ tám đồng*). Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 26 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), ngày 22/10/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 26 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Chế Văn D phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 06/11/2020 là 9.412.227 đồng (*Chín triệu bốn trăm mười hai nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng*). Trong đó: nợ gốc là 6.102.508 đồng (*Sáu triệu một trăm lẻ hai nghìn năm trăm lẻ tám đồng*), nợ lãi quá hạn là 3.309.719 đồng (*Ba triệu ba trăm lẻ chín nghìn bảy trăm mười chín đồng*) và yêu cầu ông D tiếp tục trả khoản tiền nợ lãi quá hạn phát sinh

từ ngày 07/11/2020 đến khi thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Chế Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn đồng thời vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Chế Văn D phải thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa các bên. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn ông Chế Văn D có nơi cư trú tại: ấp V, thị trấn T, huyện V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Chế Văn D có hộ khẩu thường trú tại ấp V, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ nhưng hiện nay không còn ở tại địa chỉ này và ông D không khai báo với Công an thị trấn Vĩnh Thạnh nơi ông D chuyển đến nên đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Ngân hàng ghi địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn đã cung cấp theo hợp đồng tín dụng (ấp V, thị trấn T, huyện V) là đúng theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với ông D theo qui định. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D là phù hợp pháp luật.

[2] Về tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng:

Hình thức và nội dung của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/5/2018 ký giữa ông Chế Văn D và Ngân hàng phù hợp với các qui định tại các Điều 117, 119, 398, 400 và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực pháp luật vì vậy các bên tham gia giao kết hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy tại thời điểm khởi kiện ông D đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/5/2018 đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông D phải thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh là đúng với qui định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, cụ thể:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là 6.102.508 đồng.

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/5/2018 giữa ông D và Ngân hàng thì Ngân hàng đã cung cấp hạn mức thẻ tín dụng với tổng số tiền 10.000.000 đồng cho ông D. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 8.811.001 đồng và theo qui định tại Điều 27 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì ông D còn phải chịu các khoản phí theo qui định với số tiền 1.428.680 đồng cùng tiền lãi trong hạn là 3.501.612 đồng và số tiền phí, tiền lãi trong hạn này được ghi nợ vào tài khoản của chủ thẻ. Như vậy, tổng số tiền ông D phải thanh toán là 13.741.293 đồng, tuy nhiên ông D chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7.638.785 đồng (*Bảy triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng*). Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông D thanh toán số tiền nợ gốc còn lại 6.102.508 đồng (*Sáu triệu một trăm lẻ hai nghìn năm trăm lẻ tám đồng*) là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu ông D trả số tiền nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 06/11/2020 là 3.309.719 đồng:

Nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/5/2018 giữa ông D và Ngân hàng, các bên đã thỏa thuận về mức lãi suất thẻ là 2,6%/tháng và theo qui định tại Điều 25 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì mức lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất thẻ, cụ thể $150\% \times 2,6\% / \text{tháng}$, sự thỏa thuận này là phù hợp với qui định tại Điều 91 Luật Các

tổ chức tín dụng năm 2010. Ngân hàng yêu cầu ông D thanh toán số tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 06/11/2020 là 3.309.719 đồng (*ba triệu ba trăm lẻ chín nghìn bảy trăm mười chín đồng*), yêu cầu này của Ngân hàng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu ông D thanh toán khoản lãi quá hạn phát sinh từ ngày 07/11/2020 đến khi thanh toán hết nợ gốc: yêu cầu này là phù hợp với qui định của pháp luật và hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND TC thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao, ông D phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 07/11/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên được Tòa án chấp nhận nên ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 470.611 đồng.

[5] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng cũng như đề xuất nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 117, 119, 398, 400 và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015;
- Các điều 4, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND TC thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn ông Chế Văn D:

Buộc ông Chế Văn D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S tổng số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính đến ngày 06/11/2020 (*ngày xét xử sơ thẩm*) là 9.412.227 đồng (*Chín triệu bốn trăm mười hai nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng*). Trong đó: nợ gốc

là 6.102.508 đồng (*Sáu triệu một trăm lẻ hai nghìn năm trăm lẻ tám đồng*), nợ lãi quá hạn là 3.309.719 đồng (*Ba triệu ba trăm lẻ chín nghìn bảy trăm mười chín đồng*).

Kể từ ngày 07/11/2020 ông Chế Văn D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì ông D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay.

3. Về án phí:

Ông Chế Văn D phải nộp 470.611 đồng (*Bốn trăm bảy mươi nghìn sáu trăm mười một đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 016301 ngày 29/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Cẩm Phường